

Số: 13.02 -2025/CV-HATS
No. 13.02-2025/CV-HATS

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025
Hanoi, 21 February 2025

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD HỢP NHẤT NĂM 2024
EXPLANATION OF DIFFERENCE IN CONSOLIDATED BUSINESS RESULTS OF
YEAR 2024

Kính gửi/Dear: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- State Securities Commission of Vietnam
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Listed organization: Hai An Transport and Stevedoring JSC

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội.

Address: 7th floor, No.45, Trieu Viet Vuong Str., Nguyen Du Wd., Hai Ba Trung Dis.
Hanoi City

Mã chứng khoán: HAH

Securities code: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố
Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2024.

Business Registration Certificate np. 0103818809 granted by Hanoi Authority for
Planning and Investment, the 1st registration dated 08 May 2009, the 17th amendment
registration dated 05 July 2024.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024 biến động tăng/giảm
hơn 10% so với năm 2023 như sau:

We would like to explain the consolidated business results of year 2024, which
increased/decreased by more than 10% compared to year 2023 as follows:

Nội dung/ Content	Đơn vị tính/ Unit	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Chênh lệch tăng/giảm Increase/Decrease
BCTC hợp nhất/ Consolidated FS				
- Doanh thu thuần/ Net revenue	đồng/ VND	3,992,094,957,163	2,612,689,733,658	52.80%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ/ Profit after tax	đồng/ VND	650,499,312,067	384,900,627,280	69.00%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD hợp nhất năm 2024 tăng 69% so với năm 2023/ Reasons
leading to 69% increase in consolidated business results of current year compared to previous



year:

+ Thêm 04 tàu vào khai thác sử dụng (Alfa, Beta, Opus, Gama), sản lượng vận tải và giá cước vận tải năm nay tăng dẫn đến doanh thu và lợi nhuận hoạt động khai thác tàu tăng mạnh. Số tàu cho thuê và giá cước cho thuê tàu tăng/ *With 4 more vessels put into operation (Alfa, Beta, Opus, Gama), the transport output and freight rates in the current year increased, leading to a sharp increase in revenue and profit from vessel operations. The number of vessel for lease and the charter rates all increased.*

+ Kết quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết đều tăng so với năm trước/ *The business results of subsidiaries and associates all increased compared to the last year.*

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

We guarantee that the information explained in this report is accurate and commit to comply with the provisions of the law on securities and the securities market.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu: HC, QHCD/ *Filed in Ad.*
- & IR

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JSC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Tuấn





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 51



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 17 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Ngày .. tháng 02 năm 2025

Số: 2.0058/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.752.839.556.274	1.600.183.520.090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	921.889.788.422	245.416.444.931
1. Tiền	111		514.889.788.422	122.266.444.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		407.000.000.000	123.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.500.000.000	72.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	70.500.000.000	72.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		504.419.818.284	1.005.170.941.157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	332.293.995.745	228.002.690.255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.323.032.231	439.868.851.874
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	38.000.000.000	50.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	160.082.569.939	289.491.066.743
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(40.279.779.631)	(2.191.667.715)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		87.781.858.225	97.130.984.832
1. Hàng tồn kho	141	V.8	87.781.858.225	97.130.984.832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.248.091.343	179.965.149.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	26.521.584.408	15.776.745.747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		141.588.840.722	125.141.128.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	137.666.213	39.047.274.863
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.536.685.012.719	3.758.765.837.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.904.900.000	113.018.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	112.904.900.000	113.018.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.774.994.459.130	3.117.716.025.658
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.566.481.074.341	2.868.563.423.715
<i>Nguyên giá</i>	222		6.273.980.024.843	4.197.228.766.663
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.707.498.950.502)	(1.328.665.342.948)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	204.653.888.282	245.994.150.746
<i>Nguyên giá</i>	225		490.768.166.636	439.180.122.735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(286.114.278.354)	(193.185.971.989)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.859.496.507	3.158.451.197
<i>Nguyên giá</i>	228		16.213.287.885	14.438.287.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.353.791.378)	(11.279.836.688)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.809.927.916	30.167.374.406
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	20.809.927.916	30.167.374.406
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		173.753.234.283	155.416.142.173
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	153.302.367.783	134.965.275.673
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.450.866.500	20.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		454.222.491.390	342.447.995.738
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	381.929.124.589	342.447.995.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.18	72.293.366.801	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.289.524.568.993	5.358.949.358.065

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.317.831.641.262	2.188.203.556.382
I. Nợ ngắn hạn	310		1.210.096.529.973	937.258.799.894
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	205.592.705.340	155.454.367.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.277.106.996	976.415.726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	108.198.646.461	96.947.200.069
4. Phải trả người lao động	314		42.938.789.335	31.759.276.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	58.858.307.791	18.766.015.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	20.574.777.038	4.306.751.216
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	109.316.310.466	108.245.500.331
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	532.321.458.647	394.192.141.723
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.903.790.210	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	115.114.637.689	123.962.788.426
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.107.735.111.289	1.250.944.756.488
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.26	-	711.882.200
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	309.798.260.000	257.625.260.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.797.936.851.289	992.607.614.288
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.971.692.927.731	3.170.745.801.683
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	3.971.692.927.731	3.170.745.801.683
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		818.631.956.537	663.573.756.537
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.053.223.624.821	750.545.194.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		402.724.312.754	750.545.194.154
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		650.499.312.067	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		694.765.788.214	509.817.392.833
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.289.524.568.993	5.358.949.358.065

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thu Hằng



Trần Thị Thanh Hào



Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.992.094.957.163	2.612.689.733.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.992.094.957.163	2.612.689.733.658
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.725.389.313.129	2.001.623.877.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.266.705.644.034	611.065.856.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.555.047.728	30.163.715.884
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.622.192.215	83.747.240.819
Trong đó: chi phí lãi vay	23		101.192.550.766	73.375.911.674
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	18.337.092.110	14.949.950.128
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	210.539.354.371	125.377.657.586
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		980.436.237.286	447.054.623.655
12. Thu nhập khác	31	VI.6	7.630.036.114	14.143.023.915
13. Chi phí khác	32	VI.7	10.777.253.014	11.153.674.709
14. Lợi nhuận khác	40		(3.147.216.900)	2.989.349.206
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		977.289.020.386	450.043.972.861
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	177.062.808.922	92.218.506.647
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		800.226.211.464	357.825.466.214
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.21	650.499.312.067	384.900.627.280
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.21	149.726.899.397	(27.075.161.066)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	5.055	2.883
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	5.055	2.883

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		977.289.020.386	450.043.972.861
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	457.172.304.973	364.343.848.440
- Các khoản dự phòng	03	V.7	45.508.393.028	203.340.479
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	8.525.369.100	7.279.077.230
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(12.722.164.899)	(21.761.844.839)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	101.192.550.766	73.375.911.674
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.576.965.473.354	873.484.305.845
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		234.570.335.296	21.332.303.717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.349.126.607	(18.691.449.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		281.896.939.493	(17.172.522.862)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(50.322.482.658)	(83.784.987.359)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(83.354.724.182)	(74.974.066.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(117.037.200.287)	(149.738.337.984)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	270.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(45.447.150.737)	(14.409.302.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.806.620.316.886	536.315.943.164
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.087.945.672.607)	(866.016.761.338)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.190.349.556	1.449.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.500.000.000)	(43.890.800.152)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		84.500.000.000	111.490.081.949
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.952.137.691	20.781.702.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.060.803.185.360)	(776.185.776.676)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		22.593.900.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.482.598.288.903		546.149.938.722	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(453.903.235.431)		(399.185.644.653)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(99.470.069.826)		(90.342.615.991)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.960.000)		(9.762.744.200)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		929.209.023.646		69.452.833.878	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		675.026.155.172		(170.416.999.634)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	245.416.444.931		415.481.021.778	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.447.188.319		352.422.787	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	921.889.788.422		245.416.444.931	

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng mạnh vào cuối năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0412-2023/NQ-HDQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Ngày 31/3/2024, Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

	<u>Tại ngày 31/3/2024</u>
Tài sản	89.730.427.173
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.238.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.383.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.570.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.136.364
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.442.114
Chi phí trả trước dài hạn	81.016.609.912
Nợ phải trả	(7.440.000)
Phải trả người bán ngắn hạn	(7.440.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tại ngày 31/3/2024</u>
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	89.722.987.173
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	43.479.759.584
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	46.243.227.589
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	124.423.676.376
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	78.180.448.787

(*) Giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua được tạm ghi nhận theo giá trị ghi sổ, do việc định giá chưa hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền (*)	(124.423.676.376)
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	742.238.783
Tiền chi thuần	(123.681.437.593)

(*) Là khoản tiền đã đặt cọc cho các cá nhân theo Hợp đồng đặt cọc ngày 06/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2018.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Tổ 13 Khu phố Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bãi Container và Dịch vụ cảng	51,54%	-	51,54%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	40,82%	40,82%	68,03%	68,03%
Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ hàng hải	54,85%	-	54,85%	-

(i) Là Công ty con của Công ty TNHH Cảng Hải An.

(ii) Là Công ty con của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

(iii) Là Công ty con của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa	36,16%	36,16%	36,16%	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ^(*)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	18,65%	18,65%	34%	34%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

6d. Kế hoạch thanh lý Công ty con

Theo Nghị quyết số 0806-2024/NQ-HĐQT ngày 29/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Ngày 29/6/2024, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép cho 01 cá nhân với thời hạn thanh toán ban đầu là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Căn cứ Phụ lục hợp đồng mới nhất có hiệu lực, các bên thỏa thuận điều chỉnh thời hạn thanh toán là trong vòng 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, với thời hạn thanh toán cuối cùng dự kiến là ngày 26/3/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 653 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 617 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính Container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.385.804.036	4.717.598.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	510.503.984.386	117.548.846.431
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	407.000.000.000	123.150.000.000
Cộng	921.889.788.422	245.416.444.931

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng, giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱ⁾	1.494.000.000	35.947.622.844	37.441.622.844	1.494.000.000	32.185.376.357	33.679.376.357
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	85.000.000.000	30.860.744.938	115.860.744.938	85.000.000.000	16.285.899.316	101.285.899.316
Cộng	86.494.000.000	66.808.367.782	153.302.367.782	86.494.000.000	48.471.275.673	134.965.275.673

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.533.760	36,16%	1.533.760	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	8.500.000	34,00%	8.500.000	34,00%

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	33.679.376.357	5.315.860.887	(1.553.614.400)	37.441.622.844
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	101.285.899.316	14.574.845.623	-	115.860.744.939
Cộng	134.965.275.673	19.890.706.510	(1.553.614.400)	153.302.367.783

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	88.530.508.603	100.288.462.634
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	5.743.443.417	6.801.706.861
Bồi thường cho Công ty liên kết	-	18.364.054
Công ty liên kết chia cổ tức	1.553.760.000	2.988.000.000
Nhận vốn góp BCC từ Công ty liên kết	-	9.885.260.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	8.357.231.716	11.492.203.539
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	18.324.123.250
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	858.621.802	919.276.294
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	73.753.836.670	68.887.869.843
Vay Công ty liên kết	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả Công ty liên kết	-	287.671.233
Chi hộ Công ty liên kết	-	45.551.688

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	20.450.866.500	-	20.450.866.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	30.890.246.453	25.274.038.701
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	20.540.265.877	16.172.936.363
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	2.956.045.320	3.350.810.757
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	1.811.015.156	987.666.183
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5.582.920.100	4.762.625.398
Phải thu các khách hàng khác	301.403.749.292	202.728.651.554
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	30.439.112.139	19.847.863.706
Gold Star Line Limited	-	17.834.334.000
Ocean Network Express Pte. Ltd.	43.122.939.604	13.756.978.179
Các khách hàng khác	227.841.697.549	151.289.475.669
Cộng	332.293.995.745	228.002.690.255

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	-	434.925.760.600
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đại Phát	6.380.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại, Vận tải và Du lịch Quốc tế Vitra	4.080.516.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.862.516.231	4.943.091.274
Cộng	14.323.032.231	439.868.851.874

(*) Tạm ứng cho nhà cung cấp theo giai đoạn cho các hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU, gồm Hải An Afla, Hải An Beta và Hải An Opus. Tại ngày kết thúc niên độ, các hợp đồng đã hoàn thành và Công ty đã nhận bàn giao tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu ⁽ⁱ⁾	38.000.000.000	(38.000.000.000)	50.000.000.000	-

- ⁽ⁱ⁾ Cho vay Ông Lê Phong Hiếu theo các hợp đồng ký kết từ năm 2020 đến năm 2022, mục đích để bên vay nộp tiền thuế đất 01 lần và thực hiện các thủ tục pháp lý cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông Hiếu (gồm 1.136,3 m² đất thổ cư và 50,8 m² đất vườn).

Ngày 26/12/2024, Ông Hiếu đã có đơn xin Công ty gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc cho đến khi chuyển nhượng được Dự án cho đối tác thứ ba, đồng thời, xin miễn toàn bộ nợ lãi. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định trích lập dự phòng 100% đối với số dư cho vay này (xem Thuyết minh V.7).

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	77.537.158.866	-	72.494.669.837	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên – Phải thu về lợi nhuận BCC	77.338.217.071	-	72.118.465.222	-
Các khoản chi hộ	198.941.795	-	376.204.615	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	82.545.411.073	-	216.996.396.906	-
Tạm ứng	3.477.272.705	-	4.592.598.778	-
Lãi tiền gửi dự thu	73.424.660	-	141.147.946	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	180.000.000	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án Lưu Nguyễn Cái Mép ⁽ⁱ⁾	-	-	124.423.676.376	-
Seacube Containers - Đặt cọc	3.466.154.268	-	3.305.413.440	-
Ký cược, ký quỹ	504.277.500	-	310.990.000	-
Doanh thu tạm tính (chưa xuất hóa đơn)	40.659.531.141	-	6.814.173.715	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu HaiAn City chờ bồi thường ⁽ⁱⁱ⁾	31.231.275.685	-	73.925.261.495	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.133.475.114	-	3.303.135.156	-
Cộng	160.082.569.939	-	289.491.066.743	-

- ⁽ⁱ⁾ Xem thuyết minh I.6a

- ⁽ⁱⁱ⁾ Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu HaiAn City như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)	(76.008.302.717)
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia từ Tổng đại lý (GA)	(18.639.610.230)	-
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) (384.235 USD)	9.679.828.710	-
Số còn lại chờ bồi thường	31.231.275.685	73.925.261.495

Công ty đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường theo GA.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>112.820.400.000</i>	<i>-</i>	<i>112.820.400.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (*)	112.820.400.000	-	112.820.400.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>84.500.000</i>	<i>-</i>	<i>197.900.000</i>	<i>-</i>
Ký cược, ký quỹ	84.500.000	-	197.900.000	-
Cộng	112.904.900.000	-	113.018.300.000	-

- (*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn là 44%, thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu (*)	38.000.000.000	(38.000.000.000)	-	-
Navigator Marine Corp	1.966.896.091	(1.966.896.091)	1.875.682.463	(1.875.682.463)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	414.861.768	(312.883.540)	464.036.892	(315.985.252)
Cộng	40.381.757.859	(40.279.779.631)	2.339.719.355	(2.191.667.715)

- (*) Theo Nghị quyết số 0501-2025/NQ-HĐQT ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất miễn tiền lãi cho vay Ông Hiếu trong giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2024 và trích lập dự phòng 100% đối với khoản gốc cho vay phải thu theo các hợp đồng cho vay từ năm 2020 đến năm 2022.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.191.667.715	1.988.327.236
Trích lập dự phòng bổ sung	38.252.945.528	203.340.479
Xử lý xóa nợ	(164.833.612)	-
Số cuối năm	40.279.779.631	2.191.667.715

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu – dầu tồn trên các tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	933.749.735	756.961.103
Chi phí bảo hiểm	6.231.949.459	5.030.047.836
Chi phí dầu nhờn	14.334.495.694	6.418.121.989
Các chi phí khác	5.021.389.520	3.571.614.819
Cộng	26.521.584.408	15.776.745.747

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	256.265.591	843.519.929
Tiền thuê đất (*)	275.667.509.784	200.337.437.256
Chi phí sửa chữa tài sản	10.013.416.513	15.363.167.884
Chi phí sửa chữa lên đà tàu	95.587.469.864	124.355.836.026
Các chi phí khác	404.462.837	1.548.034.643
Cộng	381.929.124.589	342.447.995.738

(*) Tiền thuê đất bao gồm:

Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư với tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép thuê đất trả tiền một lần từ ngày 30/01/2019 đến ngày 04/5/2061, diện tích 310.507,9 m².

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là container thuê tài chính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	439.180.122.735	(193.185.971.989)	245.994.150.746
Thuê tài chính trong năm	51.588.043.901	-	51.588.043.901
Khấu hao trong năm	-	(92.928.306.365)	(92.928.306.365)
Số cuối năm	490.768.166.636	(286.114.278.354)	204.653.888.282

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	9.493.272.649	14.438.287.885
Mua trong năm	-	1.775.000.000	1.775.000.000
Số cuối năm	4.945.015.236	11.268.272.649	16.213.287.885
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.410.912.649	7.410.912.649
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.815.362.621	8.464.474.067	11.279.836.688
Khấu hao trong năm	141.286.152	932.668.538	1.073.954.690
Số cuối năm	2.956.648.773	9.397.142.605	12.353.791.378

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>2.129.652.615</u>	<u>1.028.798.582</u>	<u>3.158.451.197</u>
Số cuối năm	<u>1.988.366.463</u>	<u>1.871.130.044</u>	<u>3.859.496.507</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	536.053.228.057	364.988.076.318	3.247.044.653.608	8.778.254.144	40.364.554.536	4.197.228.766.663
Số đầu năm	5.881.506.027	85.432.334.900	1.994.462.255.389	-	-	2.085.776.096.316
Mua trong năm	-	-	(3.932.025.689)	-	-	(3.932.025.689)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.647.357.902)	-	(445.454.545)	(5.092.812.447)
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	541.934.734.084	450.420.411.218	5.232.927.525.406	8.778.254.144	39.919.099.991	6.273.980.024.843
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.764.389.448	282.565.189.420	127.466.213.527	3.278.226.707	426.492.137	463.500.511.239
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn	219.604.191.161	305.078.749.290	774.348.567.365	5.098.572.358	24.535.262.774	1.328.665.342.948
Số đầu năm	31.292.773.044	21.262.186.507	326.571.100.839	1.599.048.334	1.964.440.603	382.689.549.327
Khấu hao trong năm	-	-	(3.759.426.627)	-	-	(3.759.426.627)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(96.515.146)	(96.515.146)
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	250.896.964.205	326.340.935.797	1.097.160.241.577	6.697.620.692	26.403.188.231	1.707.498.950.502

Giá trị còn lại

Số đầu năm	316.449.036.896	59.909.327.028	2.472.696.086.243	3.679.681.786	15.829.291.762	2.868.563.423.715
Số cuối năm	291.037.769.879	124.079.475.421	4.135.767.283.829	2.080.633.452	13.515.911.760	4.566.481.074.341

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 4.379.760.015.155 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định (*)	11.315.650.857	1.986.980.273.260	(1.986.636.182.470)	(11.659.741.647)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	183.047.138	7.022.291.064	-	(7.205.338.202)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18.668.676.411	42.115.596.243	(15.997.252.931)	(23.977.091.807)	20.809.927.916
Cộng	30.167.374.406	2.036.118.160.567	(2.002.633.435.401)	(42.842.171.656)	20.809.927.916

(*) Trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị con tàu hoàn thành nhận bàn giao trong năm là 8.140.057.489 VND.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	14.730.843.929	13.401.802.815
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	-	309.874.372
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	489.140.743	440.656.243
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	6.711.188.590	5.972.154.780
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	-	23.337.720
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	7.530.514.596	6.655.779.700
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	190.861.861.411	142.052.564.992
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	3.932.885.014	1.910.723.018
Baseblue (Asia) Limited	29.628.553.781	29.041.629.301
PT Indofuels Limited	32.344.654.089	18.714.105.314
Công ty Cổ phần Việt Đức	6.585.714.085	3.836.237.631
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.447.764.584	3.377.129.730
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	3.532.221.745
Các nhà cung cấp khác	111.390.068.113	81.640.518.253
Cộng	205.592.705.340	155.454.367.807

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Maersk A/S	1.124.194.752	497.064.592
SeaLead Shipping Pte. Ltd. Singapore	4.427.136.675	-
Các khách hàng khác	1.725.775.569	479.351.134
Cộng	7.277.106.996	976.415.726

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nội địa	3.077.369.321	2.439.298	43.589.125.802	(45.155.891.865)	1.508.163.960	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	53.752.434.838	(53.752.434.838)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	419.875.352	(419.875.352)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.520.064.286	17.837.024.245	174.710.547.394	(117.037.200.287)	100.268.814.483	120.024.039
Thuế thu nhập cá nhân	3.249.711.288	214.617	19.726.856.748	(16.742.284.950)	6.251.710.643	17.642.174
Tiền thuế đất	-	-	2.934.092.524	(2.934.092.524)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	376.268.000	(376.268.000)	-	-
Thuế môn bài	-	-	21.500.000	(21.500.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.100.055.174	-	12.327.554.029	(21.257.651.828)	169.957.375	-
Cộng	96.947.200.069	17.839.678.160	307.858.254.687	(257.697.199.644)	108.198.646.461	137.666.213

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài 0%
- Cung cấp nước ngọt 5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác 8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2026) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Hoạt động khai thác cảng của Công ty TNHH Pan Hải An

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032); và được miễn thuế trong 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới. Công ty TNHH Pan Hải An không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2018 đến năm 2020), do đó, được miễn thuế kể từ năm thứ 04 (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Các hoạt động khác

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thuế TNDN phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế	177.062.808.922	92.218.506.647
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên tham gia BCC	41.446.548.880	23.612.561.928
Thuế TNDN bên kiểm soát BCC nộp hộ	(43.798.810.409)	(18.431.957.445)
Tổng thuế TNDN phải nộp	174.710.547.393	97.399.111.130

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vi trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê (m²/ năm)</u>
Đất nộp tiền thuê đất hàng năm		
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m ²	36.210 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m ²	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m ²	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m ²	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m ²	14.355 VND
Cộng	154.152,8 m²	
Đất nộp tiền thuê đất trả một lần (xem thuyết minh số V.9b)		
- Khu đất phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ	154.000 m ²	1.527.935 VND
- Khu đất tại p. Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	310.507,9 m ²	5.318 VND

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	24.660.587.638	6.822.761.054
Chi phí môi giới	805.596.350	-
Chi phí trích trước hoạt động khai thác tàu	29.021.365.549	8.133.024.032
Chi phí thưởng thuyền viên đội tàu	2.717.870.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.652.888.254	3.810.230.663
Cộng	58.858.307.791	18.766.015.749

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	54.571.730.610	73.870.951.535
Phải trả về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	54.031.730.610	73.330.951.535
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.357.231.716	11.492.203.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	24.623.789.454	35.216.065.701
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	21.050.709.440	26.622.682.295
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	54.744.579.856	34.374.548.796
Kinh phí công đoàn	1.043.818.082	672.530.830
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.614.198	10.554.198
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	33.968.063.425	20.948.484.834
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.143.799.494	8.926.308.000
Cổ tức phải trả	60.885.600	76.845.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Phải trả về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.594.005	2.299.303.652
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.369.805.052	1.440.521.682
Cộng	<u>109.316.310.466</u>	<u>108.245.500.331</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC"), trong đó, các công ty trong Tập đoàn là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC</i>	259.798.260.000	207.625.260.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28.325.260.000	28.325.260.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	129.273.000.000	77.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	82.200.000.000	82.200.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>309.798.260.000</u>	<u>257.625.260.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tập đoàn góp vào BCC		Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		Đơn vị tính: Triệu VND
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	
Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)	50.000	66,67%	5.000	6,67%	10.000	13,33%	10.000	13,33%	-	-	-	75.000	
Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)	70.000	70,00%	5.000	5,00%	10.000	10,00%	15.000	15,00%	-	-	-	100.000	
Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)	99.000	90,00%	-	-	11.000	10,00%	-	0,00%	-	-	-	110.000	
Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)	157.000	64,88%	-	-	10.000	4,13%	5.000	2,07%	20.000	8,26%	50.000	242.000	
Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)	384.260	84,27%	8.440	1,85%	21.100	4,63%	42.200	9,25%	-	-	-	456.000	
Hợp đồng BCC số 01-2024 (tàu Hải An Alfa)	317.631	96,98%	9.885	3,02%	-	-	-	-	-	-	-	327.516	
Hợp đồng BCC số 48 (tàu Hải An Bell)	65.000	81,25%	-	-	10.000	12,50%	5.000	6,25%	-	-	-	80.000	
Hợp đồng BCC số 0101-2021 (tàu Hải An East)	90.000	90,00%	-	-	5.000	5,00%	5.000	5,00%	-	-	-	100.000	
Hợp đồng BCC số 01-2024 (tàu Hải An Onpus)	295.647	85,00%	-	-	52.173	15%	-	-	-	-	-	347.820	
	1.528.538		28.325		129.273		82.200		20.000		50.000	1.838.336	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	71.100.602.075	70.380.344.181
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	62.000.602.075	59.741.828.002
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng ⁽ⁱⁱ⁾	9.100.000.000	10.638.516.179
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	356.839.148.099	230.618.191.102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	263.078.678.000	210.787.031.102
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	83.540.070.099	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	10.063.160.000
Pantos Holding Incorporation	10.220.400.000	9.768.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	104.381.708.473	93.193.606.440
Cai International, INC	42.878.312.278	45.081.859.680
Seaco Global Limited	14.632.674.435	14.023.282.680
Seacube Containers	25.066.265.591	13.192.074.720
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	21.804.456.169	20.896.389.360
Cộng	<u>532.321.458.647</u>	<u>394.192.141.723</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, với thời hạn vay tối đa là 04 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng có hạn mức vay là 40.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	70.380.344.181	230.618.191.102	93.193.606.440	394.192.141.723
Số tiền vay phát sinh trong năm	154.924.527.158	-	-	154.924.527.158
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	398.862.430.868	108.415.368.667	507.277.799.535
Tăng khác (do CLTG)	-	452.400.000	2.242.803.192	2.695.203.192
Số tiền vay đã trả trong năm	(154.204.269.264)	(273.093.873.871)	(99.470.069.826)	(526.768.212.961)
Số cuối năm	<u>71.100.602.075</u>	<u>356.839.148.099</u>	<u>104.381.708.473</u>	<u>532.321.458.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.182.488.985.625	775.363.472.476
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	797.274.632.180	770.331.902.476
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	385.214.353.445	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	5.031.570.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	45.348.212.365
Pantos Holding Incorporation	-	9.768.000.000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	-	35.580.212.365
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	123.927.835.362	171.895.929.447
Cai International, INC	37.932.120.315	76.342.463.340
Seaco Global Limited	12.026.393.227	25.479.019.698
Seacube Containers	45.033.332.494	21.579.996.247
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	28.935.989.326	48.494.450.162
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn ^(iv)	491.520.030.302	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	-
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	-
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	-
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.479.969.698)	-
Cộng	<u>1.797.936.851.289</u>	<u>992.607.614.288</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

<u>Năm ký hợp đồng</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Năm 2021	Mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng
Năm 2022	Đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng
Năm 2022	Đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng
Năm 2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng
Năm 2024	Đầu tư Dự án tàu container TORO (Hải An Gama), số tiền 312.500.000.000 VND	60 tháng
Năm 2018	Đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An, số tiền vay tối đa là 300.000.000.000 VND	120 tháng
Năm 2021	Tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND	60 tháng

Các khoản vay này có thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu, lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:
- + Hợp đồng vay năm 2024 để tài trợ chi phí mua tàu biển 1.800TEU, số tiền cho vay là 414.300.000.000 VND, thời hạn cho vay là 48 tháng.
 - + Hợp đồng vay năm 2023 để tài trợ chi phí cho việc bảo trì, nâng cấp và cải tạo Cảng Hải An, số tiền cho vay lên đến 70.600.000.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng.
- Tài sản đảm bảo cho hai hợp đồng là tàu biển hình thành trong tương lai và tàu biển Hai An Mind.
- (iii) Thuê tài chính theo các hợp đồng ký từ năm 2021 đến năm 2024, tài sản thuê là các container. Các hợp đồng đều có thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (iv) Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi này như sau:

- Thời điểm phát hành	: 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc	: 05 năm
- Ngày đáo hạn	: 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành	: 500 trái phiếu
- Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất	: 6%/năm
- Tài sản đảm bảo	: Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm hiện tại ngày phát hành ngày sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.529.107.733.724	346.618.748.099	1.097.959.785.625	84.529.200.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	10.220.400.000	10.220.400.000	-	-
Nợ thuê tài chính	228.309.543.835	104.381.708.473	123.927.835.362	-
Trái phiếu chuyển đổi	491.520.030.302	-	491.520.030.302	-
Cộng	2.259.157.707.861	461.220.856.572	1.713.407.651.289	84.529.200.000

Số đầu năm

Vay dài hạn ngân hàng	996.213.663.578	220.850.191.102	648.569.672.476	126.793.800.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.116.212.365	9.768.000.000	45.348.212.365	-
Nợ thuê tài chính	265.089.535.887	93.193.606.440	171.895.929.447	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-
Cộng	1.316.419.411.830	323.811.797.542	865.813.814.288	126.793.800.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	Cộng
Số đầu năm	775.363.472.476	45.348.212.365	171.895.929.447	-	992.607.614.288
Số tiền vay phát sinh	785.380.923.544	-	51.588.043.901	489.616.363.636	1.326.585.331.081
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	1.903.666.666	1.903.666.666
Số tiền vay đã trả trong năm	(26.605.092.296)	-	-	-	(26.605.092.296)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(351.650.318.099)	(47.212.112.769)	(108.415.368.667)	-	(507.277.799.535)
CLTG do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	-	1.863.900.404	8.859.230.681	-	10.723.131.085
Số cuối năm	1.182.488.985.625	-	123.927.835.362	491.520.030.302	1.797.936.851.289

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	89.596.543.992	21.811.000.000	(33.571.950.737)	77.835.593.255
Quỹ Hội đồng quản trị	34.366.244.434	14.788.000.000	(11.875.200.000)	37.279.044.434
Cộng	123.962.788.426	36.599.000.000	(45.447.150.737)	115.114.637.689

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	703.446.670.000	191.640.648.159	390.548.782.590	1.025.370.124.082	575.914.480.623	2.886.920.705.454
Tăng giảm khác	-	-	3.285.646.460	21.813.830.758	(25.099.477.218)	-
Phân loại lại	-	-	306.139.500	(306.139.500)	-	-
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	22.593.900.000	22.593.900.000
Công ty mẹ chia cổ tức bằng cổ phiếu	351.722.140.000	-	-	(351.722.140.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	384.900.627.280	(27.075.161.066)	357.825.466.214
Trích quỹ trong năm	-	-	269.433.187.987	(329.511.108.466)	(10.520.442.506)	(70.598.362.985)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	(25.995.907.000)	(25.995.907.000)
Số dư cuối năm trước	1.055.168.810.000	191.640.648.159	663.573.756.537	750.545.194.154	509.817.392.833	3.170.745.801.683
Số dư đầu năm nay	1.055.168.810.000	191.640.648.159	663.573.756.537	750.545.194.154	509.817.392.833	3.170.745.801.683
Phân loại lại	-	-	-	1.241.637.200	(1.241.637.200)	-
Công ty mẹ chia cổ tức bằng cổ phiếu	158.262.100.000	-	-	(158.262.100.000)	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	43.479.759.584	43.479.759.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	650.499.312.067	149.726.899.397	800.226.211.464
Công ty mẹ trích quỹ	-	-	147.881.000.000	(182.386.000.000)	-	(34.505.000.000)
Công ty con trích quỹ	-	-	7.177.200.000	(8.414.418.600)	(856.781.400)	(2.094.000.000)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	(6.159.845.000)	(6.159.845.000)
Số dư cuối năm nay	1.213.430.910.000	191.640.648.159	818.631.956.537	1.053.223.624.821	694.765.788.214	3.971.692.927.731

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	1.405.071.558.159	1.246.809.458.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	121.343.091	105.516.881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

VND

• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	:	147.881.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	:	14.788.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	:	19.717.000.000

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cũng đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu.

Ngày 06/5/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Theo Văn bản số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo Báo cáo Kết quả số 1706-2024/BC-HAH ngày 27/6/2024 về việc Công ty đã hoàn thành việc phát hành 15.826.210 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 05/7/2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 2003/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 03 năm 2024 như sau:

VND

• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (5% vốn góp của chủ sở hữu)	:	500.000.000
<i>Trong đó: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	:	159.845.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1% vốn góp của chủ sở hữu)	:	100.000.000

Trong năm, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp Vận Hải An đã phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp hội đồng thành viên 2024 số 0107/BB-HĐTV ngày 01 tháng 07 năm 2024 như sau:

VND

• Chi trả LN năm 2023 cho các bên góp vốn (20% vốn góp)	:	15.000.000.000
<i>Trong đó: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	:	6.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST tại ngày 31/12/2023)	:	11.962.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST tại ngày 31/12/2023)	:	1.994.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.484.491.573	3.484.491.573
Trên 1 năm đến 5 năm	13.937.966.292	13.937.966.292
Trên 5 năm	32.869.987.256	36.354.478.829
Cộng	<u>50.292.445.121</u>	<u>53.776.936.694</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê tổng diện tích đất 154.152,8 m² do Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động (xem thuyết minh số V.16).

23b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	12.826.443,13	2.008.339,44
Euro (EUR)	248,30	258,61

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	3.192.001.367.727	2.194.867.331.223
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	262.419.743.046	199.290.933.319
Doanh thu hoạt động khác	537.673.846.390	218.531.469.116
Cộng	3.992.094.957.163	2.612.689.733.658

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	8.007.735.068	10.103.215.200
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	26.282.654.931	27.226.926.617
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	125.085.927	698.123.922

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	2.226.583.197.540	1.760.347.597.744
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	173.160.618.611	51.490.556.070
Giá vốn của hoạt động khác	325.645.496.978	189.785.723.796
Cộng	2.725.389.313.129	2.001.623.877.610

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.053.752.751	13.491.862.899
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	761.834.510	211.833.047
Lãi tiền cho vay	696.901.654	2.183.287.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.953.760.000	5.168.044.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.082.199.957	8.962.952.219
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.598.856	145.736.047
Cộng	24.555.047.728	30.163.715.884

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	101.192.550.766	73.375.911.674
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.373.319.648	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.524.353.845	2.946.515.868
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.531.967.956	7.424.813.277
Cộng	<u>118.622.192.215</u>	<u>83.747.240.819</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	101.267.919.980	78.667.929.670
Chi phí vật liệu quản lý	2.168.744.830	2.088.435.967
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.582.679.473	2.682.028.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.688.811.424	2.654.397.265
Thuế, phí và lệ phí	200.520.261	146.834.699
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	38.252.945.528	203.340.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.192.337.000	8.928.670.819
Các chi phí khác	44.185.395.875	30.006.020.123
Cộng	<u>210.539.354.371</u>	<u>125.377.657.586</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.017.750.494	918.650.268
Tiền hỗ trợ tàu cập cảng	-	9.450.000.000
Tiền thưởng	2.612.502.939	2.092.776.452
Tiền bồi thường	159.151.216	785.170.691
Thu nhập khác	1.840.631.465	896.426.504
Cộng	<u>7.630.036.114</u>	<u>14.143.023.915</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm lĩnh vực hành chính	-	257.832.725
Tiền bồi thường	1.298.184.892	474.040.560
Thuế bị phạt, bị truy thu	7.538.672.736	10.052.938.796
Chi phí khác	1.940.395.386	368.862.628
Cộng	<u>10.777.253.014</u>	<u>11.153.674.709</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	650.499.312.067	384.900.627.280
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(22.070.000.000)	(20.276.636.000)
Trích quỹ Hội đồng quản trị	(14.982.000.000)	(14.788.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	613.447.312.067	349.835.991.280
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	121.343.091	121.343.091
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.055</u>	<u>2.883</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 4% và 3% lợi nhuận sau thuế năm nay của Công ty mẹ và mức trích quỹ tại các Công ty con. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2023.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	105.516.881	70.344.667
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu ngày 08/8/2023	-	35.172.214
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu ngày 26/6/2024	15.826.210	15.826.210
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>121.343.091</u>	<u>121.343.091</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của các sự kiện: (i) Ngày 26/6/2024, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thông qua việc trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu; và (ii) Xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 3.315 VND xuống còn 2.883 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	975.260.071.763	813.534.524.865
Chi phí nhân công	359.999.081.128	263.155.236.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	457.172.304.973	364.343.848.440
Chi phí thuê đất	5.669.927.472	5.669.927.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.195.890.965	462.539.325.764
Chi phí khác	299.631.391.199	217.758.672.628
Cộng	<u>2.935.928.667.500</u>	<u>2.127.001.535.196</u>

- (*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao TSCĐ do Tập đoàn quản lý và sử dụng	482.578.892.368	376.205.106.856
Chi phí khấu hao Tập đoàn phân chia cho các đơn vị tham gia BCC	(128.246.147.694)	(35.425.238.754)
Chi phí khấu hao nhận phân chia từ Bên kiểm soát BCC	102.839.560.299	23.563.980.338
Cộng	<u>457.172.304.973</u>	<u>364.343.848.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	51.588.043.901	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp khác	Cộng thu nhập
Năm nay						
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	1.810.269.966	1.628.224.000	120.000.000	-	3.558.493.966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	120.000.000	-	210.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.405.640.691	1.417.710.900	120.000.000	-	2.943.351.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	970.293.600	1.030.749.844	120.000.000	-	2.121.043.444
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	-	170.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	-	170.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT (Từ 26/4/2024)	-	-	20.000.000	-	20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Đến 26/4/2024)	-	50.000.000	100.000.000	-	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	947.715.935	742.257.000	-	-	1.689.972.935
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	60.000.000	176.089.000	60.000.000	-	296.089.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	37.000.000	60.000.000	-	97.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Từ 26/4/2024)	-	-	10.000.000	-	10.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS (Đến 26/4/2024)	-	18.000.000	50.000.000	-	68.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	732.418.411	698.357.923	-	-	1.430.776.334
Cộng (*)		5.926.338.603	5.988.388.667	1.020.000.000	-	12.934.727.270

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp khác	Cộng thu nhập
Năm trước						
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT (từ 20/6/2023) Thành viên HĐQT/TGD (đến 20/6/2023)	1.537.720.000	1.126.867.406	120.000.000	-	2.784.587.406
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến 20/6/2023)	1.658.904.615	2.355.945.940	120.000.000	-	4.134.850.555
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT	-	290.000.000	120.000.000	-	410.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (từ 20/6/2023) Phó Tổng Giám đốc (đến 20/6/2023)	1.189.573.600	1.216.931.060	120.000.000	-	2.526.504.660
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc (từ 20/6/2023)	970.293.600	493.105.729	-	-	1.463.399.329
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	406.800.000	455.130.000	120.000.000	28.930.000	1.010.860.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	120.000.000	-	410.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	104.000.000	60.000.000	-	164.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	66.000.000	60.000.000	-	126.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS (đến 20/6/2023)	334.104.245	142.399.800	60.000.000	-	536.504.045
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	924.570.000	455.690.609	-	-	1.380.260.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	643.531.489	327.354.088	-	-	970.885.577
Cộng (*)		7.665.497.549	7.323.424.632	900.000.000	28.930.000	15.917.852.181

(*) Tập đoàn trình bày thù lao thành viên quản lý chủ chốt theo số thực chi. Các thành viên quản lý chủ chốt mới được bổ nhiệm trong năm 2024 sẽ được chi trả thù lao vào năm 2025.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải HAFT	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn/ Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng	3.655.448.323	4.083.175.833
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan	52.173.000.000	-
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	30.974.503.963	35.209.344.929
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Tập đoàn chi trả lợi nhuận cho thành viên góp vốn	3.663.723.058	9.727.046.500
Sử dụng dịch vụ đại lý	36.198.217.191	-
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	21.050.709.440	26.615.961.529
Bên liên quan chia cổ tức cho tập đoàn	1.400.000.000	2.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	55.386.000	76.800.705
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Sử dụng dịch vụ vận chuyên	38.743.256.021	33.987.179.662

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14, V.16 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.192.001.367.727	262.419.743.046	537.673.846.390	3.992.094.957.163
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.192.001.367.727	262.419.743.046	537.673.846.390	3.992.094.957.163
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	965.418.170.187	89.259.124.435	212.028.349.412	1.266.705.644.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(210.539.354.371)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.056.166.289.663
Doanh thu hoạt động tài chính				24.555.047.728
Chi phí tài chính				(118.622.192.215)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				18.337.092.110
Thu nhập khác				7.630.036.114
Chi phí khác				(10.777.253.014)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(177.062.808.922)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				800.226.211.464
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác	2.151.785.348.457	30.984.072.152	13.788.504.964	2.196.557.925.573
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	500.567.753.481	29.319.097.765	33.927.800.165	563.814.651.411
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.194.867.331.223	199.290.933.319	218.531.469.116	2.612.689.733.658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.194.867.331.223	199.290.933.319	218.531.469.116	2.612.689.733.658
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	434.519.733.479	147.800.377.249	28.745.745.320	611.065.856.048
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(125.377.657.586)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				485.688.198.462
Doanh thu hoạt động tài chính				30.163.715.884
Chi phí tài chính				(83.747.240.819)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				14.949.950.128
Thu nhập khác				14.143.023.915
Chi phí khác				(11.153.674.709)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(92.218.506.647)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				357.825.466.214
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác	839.039.052.648	55.035.434.544	12.059.986.970	906.134.474.162
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	382.432.120.680	27.767.835.448	34.675.665.516	444.875.621.644
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.226.860.853.609	454.829.043.802	843.677.821.057	6.525.367.718.468
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				764.156.850.525
Tổng tài sản				7.289.524.568.993
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.766.425.035.948	143.068.795.397	230.141.425.279	3.139.635.256.624
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				178.178.742.464
Tổng nợ phải trả				3.317.813.999.088
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.780.612.015.116	197.066.256.250	685.411.704.802	4.663.089.976.168
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				695.859.381.897
Tổng tài sản				5.358.949.358.065
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.681.303.646.380	45.780.615.787	235.190.121.693	1.962.274.383.860
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				225.929.172.522
Tổng nợ phải trả				2.188.203.556.382

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua các Nghị quyết bao gồm:

- Nghị quyết số 0201-2025/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An - Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, với số vốn tăng từ 30 tỷ VND lên 100 tỷ VND;
- Nghị quyết số 0301-2025/NQ-HĐQT về việc Công ty TNHH Cảng Hải An nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ ông Vũ Ngọc Sơn. Theo đó, sau khi hoàn tất việc nhận chuyển nhượng, Công ty TNHH Cảng Hải An sẽ sở hữu phần vốn góp tương đương 75% vốn điều lệ Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Cảng Hải An đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Ngày 03/02/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0202-2025/NQ-HĐQT về việc mua tàu ATOUT theo Hợp đồng mua bán ngày 16/01/2025, giá mua 19,500,000 USD. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tiến hành hoàn thiện thủ tục nhận bàn giao tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Người lập biên



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

